

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 9

TUẦN 7 (18 – 24/10)

16	TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG 2 THUẬT NGỮ (Khuyến khích HS tự đọc)	2	Tuần 7
17	RÈN KĨ NĂNG VIẾT VĂN	2	Tuần 7
18	ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ (2 tiết)	1	Tuần 7

TIẾT 31-32: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (phần 2)

I. Từ tượng hình, từ tượng thanh (SGK/ 146)

1. Khái niệm:

- Từ tượng hình : Gọi tả hình ảnh , trạng thái , dáng vẽ , đặc điểm , màu sắc..

VD : Lom khom, nhấp nhô

- Từ tượng thanh : Mô phỏng âm thanh của tự nhiên và con người

VD : Lao xao , rào rào, ầm ầm

2. Đặc điểm và công dụng:

BT2: (SGK – T.146)

Những tên loài vật là từ tượng thanh: mèo, tắc kè, vẹt, chích chòe....

BT3: (SGK – T.146, 147)

Từ tượng hình : Lôm đôm, lê thê, loáng thoáng, lồ lộ → Hình ảnh đám mây cụ thể và sinh động hơn.

II. Các biện pháp tu từ về từ vựng.

1. Khái niệm về phép tu từ từ vựng: Cách dùng từ ngữ gọt giũa, bóng bẩy, gợi cảm.

- **So sánh** : Đối chiếu sự vật hiện tượng này với sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng làm tăng sức gợi hình , gợi cảm cho sự diễn đạt

- **Ẩn dụ** : Gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

- **Nhân hóa** : Gọi hoặc tả con vật, cây cối bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật trở nên gần gũi

- **Hoán dụ** : Gọi tên svht khái niệm này bằng tên svht khái niệm khác có quan hệ gần gũi nhằm tăng sức gợi cảm cho sự diễn đạt

- **Núi quá** : Phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của svht được miêu tả để nhấn mạnh , gây ấn tượng..

- **Nói giảm nói tránh** : Dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giác đau buồn ghê sợ, thô tục

- **Điệp ngữ** : Lặp lại từ ngữ , câu, để làm nổi bật ý , gây cảm xúc mạnh

- **Chơi chữ** : Lợi dụng đặc sắc về âm, nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm , hài hước...làm câu văn hấp dẫn thú vị

→ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC :

BT2: (SGK – T.147) **Xác định phép tu từ**

a. Ấn dụ : Hoa – Thuý Kiều

Cây , lá – Gia đình Kiều

b. So sánh : Tiếng đàn

c. Núi quá : Hoa ghen liễu hờn , nghiêng nước nghiêng thành , sắc đành đòi một , tài đành họa hai

d. Nói quá : Gần (cùng vườn) - mà xa (gấp mười quan san)

e. Chơi chữ : Tài – ta

Bài 3/ 147

a. - Điệp từ “ còn ”

- “Chơi chữ” say sưa”: say rượu và say cô bán rượu

b. Nói quá: Nhấn mạnh sự trưởng thành và khí thế của nghĩa quân Lam Sơn.

c; d: So sánh (hs tự làm)

III. Luyện tập tổng hợp (trang 156). → Phiếu học tập tuần 7

IV. THUẬT NGỮ (HS tự học) – SGK/89

- Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.

- Một khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

- Thuật ngữ không có tính hình tượng, không có tính biểu cảm

→ HƯỚNG DẪN TỰ HỌC :

Bài 1 (trang 89 sgk ngữ văn 9 tập 1)

- Lực: tác dụng đẩy kéo của vật này lên vật khác

- Xâm thực: quá trình phá hủy lớp đất đá phủ trên mặt đất do các tác nhân như gió, sóng biển, băng hà, nước chảy...

- Hiện tượng hóa học: hiện tượng sinh ra chất mới

- Di chỉ: dấu vết người xưa đã cư trú và sinh sống

- Thu phấn: hiện tượng hạt tiếp xúc với nhị hoa

- Lưu lượng: lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một điểm nào đó, trong một giây đồng hồ

- Trọng lực: lực hút của trái đất

- Khí áp: sức nén của khí quyển lên bề mặt trái đất

- Thị tộc phụ hệ: dòng họ trong đó người đàn ông có quyền hơn người phụ nữ

- Đường trung trực: đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng tại điểm giữa đoạn ấy

Bài 2 (trang 90 sgk ngữ văn 9 tập 1)

- Mặc dù có nét nghĩa nào đó giống thuật ngữ điểm tựa trong Vật lí (điểm cố định của đòn bẩy, thông qua đó lực tác động được truyền tới lực cản)

+ Điểm tựa trong đoạn thơ có nghĩa là chỗ dựa tin tưởng, gánh trọng trách: được dùng với tư cách ngôn ngữ nghệ thuật

Bài 3 (trang 90 sgk ngữ văn 9 tập 1)

a, Thuật ngữ hóa học

b, Hỗn hợp dùng như một từ ngữ thông thường

Ví dụ: An trộn đều bột mì với trứng tạo thành hỗn hợp làm bánh.

Bài 4 (trang 90 sgk ngữ văn 9 tập 1)

Cá: động vật có xương sống, ở dưới nước, bơi bằng vây, thở bằng mang

- Trong ngôn ngữ thông thường từ cá (cá voi, cá heo) không mang ý nghĩa chặt chẽ như định nghĩa của sinh học

Bài 5 (trang 90 sgk ngữ văn 9 tập 1)

- Hiện tượng trên là hiện tượng đồng âm khác nghĩa vẫn thấy trong ngôn ngữ, nó chỉ vi phạm nguyên tắc một thuật ngữ - một khái niệm khi thuộc cùng một lĩnh vực chuyên môn. Trong những lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ khác nhau có thể có những từ ngữ giống nhau về âm nhưng lại là những thuật ngữ với nội hàm khác nhau hoàn toàn.

TIẾT 33-34: RÈN VIẾT VĂN TỰ SỰ

A. Mục tiêu cần đạt:

- Biết vận dụng những kiến thức đã học để viết 1 bài văn tự sự kết hợp miêu tả cảnh vật, con người, hành động, miêu tả nội tâm
- Rèn luyện các kỹ năng diễn đạt, trình bày, nhất là kỹ năng sử dụng từ ngữ đã được rèn luyện ở bài Trau dồi vốn từ, Tổng kết từ vựng
- Rèn năng lực: tạo lập văn bản, giao tiếp, tư duy.

B. Chuẩn bị:

- GV: Ra đề, hướng dẫn dàn ý cơ bản
 - Mở bài: Giới thiệu câu chuyện (hoàn cảnh, không gian, thời gian, nhân vật,...)
 - Thân bài: những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện (khai thác các yếu tố miêu tả cảnh, người - miêu tả nội tâm)
 - Kết bài: kết thúc câu chuyện (có thể nêu cảm nghĩ của nhân vật hoặc một chi tiết thật đặc sắc, ý nghĩa)
- HS: Ôn tập kỹ kiểu bài tự sự có kết hợp với biểu cảm và miêu tả, miêu tả nội tâm trực tiếp và gián tiếp.

C. Một số đề bài tham khảo :

1. Kể lại kỉ niệm mà em không bao giờ quên
 2. Kể lại giấc mơ em được gặp nhân vật văn học mình yêu thích.
 3. Em hãy kể lại văn bản Chuyện người con gái Nam Xương với một kết thúc khác.
-

Tiết 35 - 36 : ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

(tiết 36 tuần 8)

A. Nội dung ôn tập :

- Nắm lại những kiến thức cơ bản về các văn bản trung đại Việt Nam đã học từ tuần 3,4,5,6.

+ Chuyện người con gái Nam Xương.

+ Hồi thứ mười bốn.

+Truyện Kiều

+ Chị em Thúy Kiều

+ Kiều ở lầu Ngưng Bích

+ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga

- Những thể loại chủ yếu, giá trị nội dung và nghệ thuật của những tác phẩm, trích đoạn tiêu biểu. Thuộc thơ, nắm phong cách tác giả.

- Giải quyết tình huống thực tế liên quan tới vấn đề đã học(bài tập đọc hiểu – phiếu học tập Tuần 3,4,5,6)

- Giải quyết vấn đề, thẩm mỹ văn học, tạo lập văn bản, bày tỏ ý kiến.

B. Hướng dẫn học tập :

1. Vẽ sơ đồ tư duy kiến thức từng đơn vị bài học

2. Học thuộc lòng thơ và câu văn quan trọng trong văn bản (dẫn chứng)

3. Hoàn thành – chấm chữa bài tập Phiếu học tập 3,4,5,6.

4. Nêu giá trị nội dung – nghệ thuật của văn bản.

5.Đề cương ôn tập Ngữ văn 9 (tuần 7)
